



DIỄN CẨM TAM THẾ

<https://diencamtamthe.com>

Báo Cáo Luận Giải Tử Vi Đẩu Số

MINH NGHI

Dương lịch: : **11/11/2000**

Âm lịch: : **16/10/2000**

Giờ: : **Giờ Mão (05:00 - 07:00)**

Giới tính: : **Nữ**

Bản Mệnh: : **Kim**

Cục: : **Thủy Nhị Cục**

Chủ Mệnh: : **Liêm Trinh**

Chủ Thân: : **Văn Xương**

Can Chi năm sinh : **Canh Thìn**

Xuất bản: 27/06/2026 08:04

Hệ thống luận giải vận mệnh Diên Cẩm Tam Thế



Lá Số Tử Vi

Minh Nghi · 11/11/2000 · Giờ Mão (05:00 - 07:00)

TỶ TỬ TỨC 32 VŨ KHÚC (Đ) PHÁ QUÂN (H) Phong Cáo Thiên Giải Thiên Quý Hóa Quyền Thiếu Dương Thiên Hỷ Hòa Tinh (Đ) Kiếp Sát Cô Thần Tiểu Hao Mão LÂM QUAN +Hỏa	NGỌ PHU THÊ 22 THÁI DƯƠNG (M) Triệt Hỏa Lộc Thiên Phúc Phượng Các Giải Thần Thanh Long Thiên Thọ Thiên Hình Tang Môn Lực Sĩ Đà La (M) Thìn QUAN ĐỐI +Hỏa	MÙI HUYNH ĐỆ 12 THIÊN PHỦ (M) Triệt Văn Xương (H) Văn Khúc (H) Thiên Việt Thiếu Âm Tý MỘC DỤC +Thổ	THÂN MỆNH 2 THIÊN CỐ (M) THÁI ÂM (Đ) Tuần Hóa Khoa Quan Phủ (TT) Long Trì Lộc Tồn Bác Sỹ Địa Không (M) Lưu Hà Ngọ TRĂNG SINH +Kim
THÌN TÀI BẠCH 42 THIÊN ĐÔNG (H) Địa Giải Tam Thai Quốc Ân Thái Tuế Hóa Cái Tướng Quân Hóa Kỵ (Đ) Thiên La Dần ĐẾ VƯỢNG +Thổ	DIỄN CAM TAM THẾ https://diencamtamthe.com ĐƯƠNG SỐ Họ tên: Minh Nghi Năm sinh: Canh Thìn (2000) Dương lịch: 11/11/2000 Âm lịch: 16/10/2000 Giờ: Mão Giới tính: Nữ MỆNH TẠO Bản Mệnh: Kim (Bạch Lạp Kim) Cục: Thủy Nhị Cục Mệnh sinh Cục Chủ Mệnh: Liêm Trinh Chủ Thân: Văn Xương CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG Bộ vận cách...		DẬU PHỤ MẪU 112 TỬ VI (B) THAM LANG (H) Tuần Thai Phụ Ân Quang Đào Hoa Nguyệt Đức Tứ Phủ Quan Phủ Kình Dương (H) Mùi DƯƠNG +Kim
MÃO TẬT ÁCH 52 Tấu Thư Trực Phủ Thiên Sứ Sửu SUY +Mộc	SỬU NÔ BỘC 72 LIÊM TRINH (Đ) THẤT SÁT (M) Tả Phụ Hữu Bát Thiên Khôi Phước Đức Thiên Đức Hỷ Thần Linh Tinh (Đ) Phá Toái Quả Tú Thiên Thương Kỷ Mộc Thủy Hỏa Thổ		TUẤT PHÚC ĐỨC 102 CỰ MÔN (H) Thiên Y Bát Tọa Thiên Riêu Tuế Phá Thiên Hư Phục Bình Địa Võng Thân THAI +Thổ
DẦN THIÊN DI 62 Thiên Trù Thiên Mã Địa Kiếp (M) Điếu Khách Thiên Khốc Phi Liêm Tý BỆNH +Mộc	HỢI TỬ +Thổ Hợi TƯ Đế Vượng +Thủy	TÝ QUAN LỘC 82 THIÊN LƯƠNG (V) Đương Phủ Thiên Tài Bạch Hổ Bệnh Phủ Tuất MỘC +Thủy	HỢI DIỄN TRẠCH 92 THIÊN TƯỚNG (Đ) Thiên Quan Long Đức Hồng Loan Đại Hao Dậu TUYỆT +Thủy
Triệt Tý · Bệnh +Mộc	Hợi Tú Đế Vượng +Thủy	Dậu Lâm Quan -Thủy	

Lá số an theo Nam phái — bản in từ hệ thống Tử Vi AI



Luận Giải 12 Cung (AI)

Cung Mệnh

Ý nghĩa: Kim Đại vận 2

Chính tinh: Thiên Cơ (M), Thái Âm (Đ)

Phụ tinh: Địa Không, Lưu Hà, Hóa Khoa, Quan Phù (TT), Long Trì, Lộc Tồn, Bác Sỹ, Tràng Sinh, Tuần

Cung Mệnh an tại Thân gặp Thiên Cơ - Thái Âm thủ, tạo nên cục diện “Cơ Âm ẩn tàng”. Thiên Cơ chủ mưu lược, Thái Âm chủ thâm trầm và cảm xúc nội tại; hai sao cùng cư mang lại trí tuệ sắc bén, khả năng quan sát tinh tế và thiên hướng nghệ thuật hoặc nghiên cứu chuyên sâu. Tuy nhiên cục Thủy Nhị không đủ ấm để nuôi dưỡng Thái Âm, khiến tư duy dễ thiên về lo xa, thiếu quyết đoán trực tiếp.

Tuần Không và Lưu Hà đồng độ là điểm yếu rõ nét. Tuần như màn sương che khuất, khiến mọi cơ hội đều phải trải qua giai đoạn “ẩn” dài trước khi lộ diện; Địa Không, Lưu Hà càng khuếch đại cảm giác trống rỗng và bất định nội tâm. Ngược lại, Hóa Khoa, Lộc Tồn và Long Trì lại hỗ trợ học vấn, danh tiếng và giữ được chút tài lộc nhỏ. Quan Phù (TT) cho thấy người có ý thức trách nhiệm và kỷ luật bản thân cao, song dễ rơi vào trạng thái “tự trời buộc”.

Tam hợp với Thiên Lương tại Quan Lộc tạo nên lớp bảo vệ đạo đức và sự hỗ trợ từ người lớn tuổi hoặc thầy cô. Tuy nhiên Hóa Kỵ đồng độ Thiên Đồng tại Tài Bạch lại làm hao tổn nguồn lực tài chính và tình cảm mỗi khi muốn tiến xa. Xung chiếu cung Thiên Di trống, thêm Thiên Mã - Phi Liêm, cho thấy cuộc sống dịch chuyển nhiều nhưng thiếu điểm tựa vững chắc.

Tổng thể cung Mệnh thuộc dạng “trí cao mà lực mỏng”. Người mệnh này thường xuất phát chậm, dễ đạt học vị hoặc chuyên môn sâu sau tuổi 27-30, song khó có bước nhảy vọt đột ngột. Nên tập trung xây dựng nội lực qua học thuật hoặc nghề cần sự kiên trì, hạn chế lao vào đầu tư mạo hiểm hoặc quan hệ phức tạp.



Cung Phụ Mẫu

Ý nghĩa: Kim **Đại vận** 112

Chính tinh: Tử Vi (B), Tham Lang (H)

Phụ tinh: Thai Phụ, Ân Quang, Tử Phù, Đào Hoa, Nguyệt Đức, Quan Phủ, Kinh Dương, Dưỡng, Tuân

Cung Phụ Mẫu an tại Dậu hội Tử Vi-Tham Lang chính tinh ngay từ thế đứng đã tạo nên cách cục quý-hỗn. Tử Vi mang lại địa vị và khuôn phép cho cha mẹ, nhưng Tham Lang đi kèm khiến phúc đức lẫn với tính toán lợi lộc, nên cha mẹ thường có địa vị xã hội hoặc tài sản cố định, song cũng dễ vướng vào tranh chấp quyền lợi hoặc tiêu xài không ổn định. Tuân chiếu đúng cung càng làm cho nguồn lực từ cha mẹ bị che khuất hoặc đến chậm, thường thể hiện qua việc hỗ trợ tài chính, chỗ ở hoặc sự bảo bọc tinh thần đều phải trải qua giai đoạn “ẩn hiện” chứ không trực tiếp và mau lẹ.

Các phụ tinh trong cung phần lớn mang tính hỗ trợ nhưng không đồng bộ. Thai Phụ, Ân Quang, Tử Phù, Nguyệt Đức và Quan Phủ giúp củng cố bề thế, mang lại hình ảnh cha mẹ có học thức, từng giữ vị trí quản lý hoặc được người khác kính nể; Đào Hoa lại khiến quan hệ cha mẹ-con cái dễ mang sắc thái nghệ thuật hoặc giao tiếp xã giao nhiều hơn tình cảm máu mủ sâu đậm. Ngược lại, Kinh Dương và Quả Tú lại tạo ra những điểm gắt, dễ sinh tranh cãi nhỏ hoặc khoảng cách cảm xúc, đặc biệt khi cha mẹ có xu hướng kiểm soát hoặc đòi hỏi con cái phải đáp ứng tiêu chuẩn của họ. Dưỡng tinh ở đây chỉ ra sự nuôi dưỡng thực tế được duy trì, nhưng không phải lúc nào cũng đầy đủ.

Tam hợp Nô Bộc hội Liêm-Sát mang tính kỷ luật và quyết đoán cao, cho thấy cha mẹ thường dựa vào người ngoài hoặc môi trường công sở để khẳng định giá trị bản thân, nên quan hệ gia đình dễ bị phân tán bởi công việc. Tam hợp Tử Túc hội Vũ-Phá gặp Hóa Quyền lại cho thấy con cái chính là nơi cha mẹ gửi gắm kỳ vọng lớn nhất, nhưng cũng dễ tạo áp lực khiến con cái cảm thấy bị “quyền lực hóa” trong mối quan hệ huyết thống. Xung chiếu Tật Ách trống, chỉ có Trực Phù-Tấu Thư, càng nhấn mạnh việc cha mẹ hay lo xa, dễ lo lắng sức khỏe hoặc tương lai con cái một cách quá mức.



Tổng cục cung Phụ Mẫu nghiêng về “quý bất toàn”. Cha mẹ có nền tảng và mong muốn tốt, song sự hỗ trợ thực tế bị Tuần và Kinh Dương hạn chế, dễ khiến con cái vừa được hưởng phúc vừa phải tự xoay sở sớm. Lời khuyên thực tế là nên giữ khoảng cách cảm xúc rõ ràng, không để kỳ vọng của cha mẹ chi phối hoàn toàn quyết định cá nhân; đồng thời chủ động xây dựng nền tảng tài chính riêng từ sớm để giảm thiểu phụ thuộc vào nguồn lực bị Tuần che khuất.

Cung Phúc Đức

Ý nghĩa: Thổ **Đại vận** 102

Chính tinh: Cự Môn (H)

Phụ tinh: Thiên Riêu, Thiên Y, Bát Tọa, Tuế Phá, Thiên Hư, Phục Bình, Thai, Địa Võng

Cung Phúc Đức an tại Tuất, chính tinh **Cự Môn Hóa Kỵ** thủ ngữ, tạo cục diện uẩn khúc, phúc đức tiềm ẩn nhưng khó khai thông. Cự Môn mang tính cách ly, hay tự vấn và hay gặp trở ngại trong việc thừa hưởng ân huệ tổ tiên, đồng thời dễ khiến đương số hướng nội, thích tìm hiểu những vấn đề sâu xa, huyền bí hoặc tôn giáo. Sự hiện diện của Hóa Kỵ tại đây càng làm tăng tính khắc nghiệt, khiến phúc báo thường phải trả giá qua những biến cố tâm lý hoặc sức khỏe tinh thần.

Các phụ tinh **Thiên Riêu, Thiên Hư, Phục Bình, Địa Võng** và **Bát Tọa** kết hợp với Cự Môn tạo thành thế cô lập rõ rệt. Thiên Riêu – Thiên Hư thường mang đến nỗi u buồn di truyền từ tiền nhân, Phục Bình và Địa Võng lại che lấp nguồn lực hỗ trợ, khiến người mang số khó nhận được sự che chở trực tiếp từ ông bà. Tuy nhiên, **Thiên Y** và **Thai** xuất hiện lại là điểm sáng, cho thấy vẫn có nguồn an ủi âm thầm, đặc biệt khi gặp tuổi tác hoặc biến cố lớn. Tam hợp cung Thiên Di (Vô Chính Diệu) và Phu Thê (Thái Dương Hóa Lộc) tuy mang chút hỗ trợ từ bạn bè và hôn nhân, nhưng xung chiếu Tài Bạch (Thiên Đồng Hóa Kỵ) lại kéo theo Tam Thai – Hóa Kỵ, cho thấy phúc đức dễ bị hao tổn vì lo nghĩ tài chính hoặc sức khỏe người thân.

Tổng thể, cung Phúc Đức thiên về **hung nhiều hơn cát**. Cự Môn Hóa Kỵ thủ cung thường tạo nên cuộc đời có phúc nhưng muộn, dễ gặp biến cố về tinh thần trước tuổi trung niên, sau mới dần ổn định nếu biết tu tâm. Đương số nên tránh ỷ lại vào người thân mà cần tự xây dựng nền tảng tâm linh và sức khỏe tinh thần vững chắc, đồng thời hạn chế bàn tán sâu về quá khứ gia



đình để giảm bớt năng lượng Ky chi phối.

Cung Điền Trạch

Ý nghĩa: Thủy **Đại vận** 92

Chính tinh: Thiên Tướng (Đ)

Phụ tinh: Thiên Quan, Long Đức, Hồng Loan, Đại Hao, Tuyệt

Cung Điền Trạch tại Hợi an Thiên Tướng (Đ) chủ quản, tạo cục diện gia sản mang tính ổn định thụ động. Thiên Tướng vốn chủ về bất động sản và nền tảng gia đạo, vị trí Địa Tướng khiến tài sản ít dịch chuyển, thiên về tích lũy từ cha mẹ hoặc hôn nhân hơn là tự tạo. Hồng Loan và Long Đức đồng độ tạo thế “điền viên có chủ”, gia đình sau hôn nhân dễ có nhà cửa riêng, song Đại Hao và Tuyệt lại đan xen, báo hiệu hao tổn tài sản do chi tiêu hoặc duy trì bất động sản.

Tam hợp Huynh Đệ có Thiên Phủ hợp Văn Xương – Văn Khúc – Thiên Việt, mang nguồn lực hỗ trợ từ anh chị em ruột hoặc họ hàng gần, giúp giảm bớt áp lực tài chính. Ngược lại, tam hợp Tật Ách vắng chính diệu, chỉ có Trục Phù – Thiên Sứ – Suy, cho thấy sức khỏe hoặc các vấn đề pháp lý liên quan đến nhà đất dễ phát sinh âm thầm. Xung chiếu Tử Túc gặp Vũ Khúc – Phá Quân hóa Quyền, con cái hoặc thế hệ sau có thể là nguyên nhân hao hụt tài sản nếu không kiểm soát.

Tổng cục nghiêng về mức trung bình khá: Hồng Loan – Long Đức nâng nền tảng gia đạo, nhưng Đại Hao – Tuyệt và Phá Quân xung chiếu kéo cục xuống rõ rệt. Tài sản có, song dễ “có rồi lại mất” qua chi tiêu hoặc tranh chấp.

Nên lập kế hoạch tài chính dài hạn, tránh vay mượn đầu tư bất động sản khi chưa đủ vốn tự có; ưu tiên giữ giấy tờ pháp lý rõ ràng để giảm rủi ro xung chiếu Tử Túc.

Cung Quan Lộc

Ý nghĩa: Thủy **Đại vận** 82

Chính tinh: Thiên Lương (V)

Phụ tinh: Đường Phù, Bạch Hổ, Bệnh Phù, Mộ, Thiên Tài



Cung Quan Lộc an tại Tý hội chính tinh Thiên Lương (V) tạo nên cục diện quan trường mang đậm nét ôn hòa, trọng đức hơn trọng tài. Thiên Lương chủ về sự thanh cao, hay được người trên che chở và dân chúng kính trọng, lại đứng tại Tý thuộc cung quan lộc nên dễ hướng đến các vị trí hành chính, giáo dục hoặc cố vấn có tính ổn định lâu dài. Điểm nổi bật nhất là sự hiện diện đồng thời của Đường Phù và Thiên Tài, tạo nên cách cục “Lương Tài Đường Phù”, thường mang lại cơ hội thăng tiến nhờ năng lực chuyên môn và sự khéo léo trong xử lý công việc.

Tuy nhiên, Bạch Hổ và Bệnh Phù đồng độ khiến cục diện không hoàn toàn suôn sẻ. Bạch Hổ mang tính cạnh tranh khốc liệt, dễ gây mâu thuẫn với đồng nghiệp hoặc cấp trên trong giai đoạn 30-35 tuổi; Bệnh Phù lại ám chỉ sức khỏe hoặc tâm lý dễ bị ảnh hưởng bởi áp lực công việc, cần tránh làm việc quá sức hoặc môi trường đòi hỏi di chuyển nhiều. Một tinh trấn cung càng làm rõ nét sự thăng tiến chậm, đòi hỏi tích lũy lâu dài thay vì đột phá nhanh.

Tam hợp cung Tài Bạch có Thiên Đồng gặp Hóa Kỵ và Hoa Cái cho thấy thu nhập từ nghề nghiệp khá nhưng hay bị chi tiêu vào việc học hành, chứng chỉ hoặc các khoản đầu tư dài hạn. Tam hợp cung Mệnh với Thiên Cơ - Thái Âm gặp Hóa Khoa và Lộc Tồn hỗ trợ tốt về trí tuệ và sự kiên trì, giúp đương số dễ vượt qua trở ngại nếu biết tận dụng mối quan hệ nữ giới hoặc người lớn tuổi. Xung chiếu cung Phu Thê có Thái Dương hội Hóa Lộc và Thiên Phúc là điểm sáng, thường mang lại sự hỗ trợ từ bạn đời hoặc đối tác trong công việc.

Tổng thể, cung Quan Lộc thuộc hàng trung thượng, phù hợp với đường công danh chậm mà chắc. Nên chọn nghề thuộc lĩnh vực hành chính, giảng dạy, y tế hoặc tư vấn pháp lý để phát huy hết ưu điểm của Thiên Lương. Tránh môi trường cạnh tranh gay gắt hoặc công việc đòi hỏi thay đổi liên tục trước tuổi 35.

Cung Nô Bộc

Ý nghĩa: Thổ **Đại vận** 72

Chính tinh: Liêm Trinh (Đ), Thất Sát (M)

Phụ tinh: Tả Phụ, Hữu Bật, Thiên Khôi, Phúc Đức, Linh Tinh, Phá Toái, Quả Tú, Thiên Đức, Hỷ Thần, Tử, Thiên Thương



Cung Nô Bộc an tại Sửu gặp Liêm Trinh đóng đế và Thất Sát miếu, tạo cục diện nghiêm khắc, thẳng thắn. Liêm Trinh mang tính thanh cao, đòi hỏi nguyên tắc, Thất Sát thì sắc bén, quyết đoán; hai sao cùng hội khiến bạn bè, cấp dưới thường có thái độ rõ ràng, ít xu nịnh nhưng cũng dễ xung đột nếu không hợp ý. Tả Phụ – Hữu Bật – Thiên Khôi – Phúc Đức – Thiên Đức – Hỷ Thần hội tụ tạo thế “quý nhân tương trợ”, giúp đương số dễ nhận được sự ủng hộ từ người dưới hoặc đồng nghiệp có năng lực, dù không phải lúc nào cũng suôn sẻ.

Phụ tinh kéo cục lên khá rõ nhờ Tả Hữu, Thiên Khôi và Thiên Đức hóa giải phần hung của Phá Toái, Quả Tú, Linh Tinh. Tuy nhiên, Thiên Thương – Tử – Phá Toái vẫn hiện diện, chỉ ra sự chia ly, phản bội hoặc người dưới dễ thay lòng đổi dạ khi gặp khó khăn. Tam hợp Tử Túc (Vũ Khúc – Phá Quân) và Phụ Mẫu (Tử Vi – Tham Lang) cho thấy mạng lưới quan hệ chủ yếu dựa vào uy tín cá nhân và khả năng điều hành, nhưng cũng dễ bị lôi kéo vào thị phi do Phá Quân và Tham Lang. Xung chiếu Huỳnh Đệ chỉ có Thiên Phủ cô lập, hàm ý bạn bè ít chia sẻ sâu, chủ yếu quan hệ bề ngoài.

Tổng cục thuộc loại trung bình khá, nghiêng về chất lượng hơn số lượng. Đương số nên chọn người dưới dựa trên năng lực và đạo đức thay vì cảm tình; giữ khoảng cách rõ ràng, đặt nguyên tắc lên trước để tránh bị lợi dụng. Tránh tin tưởng tuyệt đối ai đó chỉ sau một lần hợp tác, đặc biệt khi Phá Toái và Quả Tú còn chiếu.

Cung Thiên Di

Ý nghĩa: Mộc **Đại vận** 62

Chính tinh: —

Phụ tinh: Địa Kiếp, Thiên Trù, Điều Khách, Thiên Mã, Thiên Khốc, Phi Liêm, Bệnh

Cung Thiên Di an tại Dần thuộc Thủy Nhị Cục, Vô Chính Diệu nên cục diện hoàn toàn phụ thuộc vào các sao phụ và Tam Hợp. Sự hiện diện của Thiên Mã, Điều Khách, Phi Liêm, Địa Kiếp phối hợp với xung chiếu Thiên Cơ – Thái Âm tạo nên thế đứng di động, thường xuyên thay đổi môi trường sống và quan hệ xã hội. Không có sao chủ cố định khiến Thiên Di mang tính “khách trú” rõ rệt: người này ít bám trụ một nơi lâu dài mà hay dịch chuyển theo cơ hội hoặc theo yêu cầu



công việc.

Tam Hợp Phu Thê có Thái Dương hội Hóa Lộc, Thiên Phúc, Phượng Các nhưng lại bị Triệt và Tang Môn kẹp chặt, cho thấy các mối quan hệ bên ngoài vừa mang lại lợi lộc vừa kèm theo đứt đoạn hoặc tiêu hao cảm xúc. Phúc Đức Cự Môn hội Thiên Y, Bát Tọa thì hỗ trợ sức khỏe và khả năng thích nghi, song Tuế Phá, Địa Vong lại làm tăng nguy cơ bị vướng vào thị phi hoặc chiêu mời rắc rối từ người lạ. Xung chiếu Mệnh có Hóa Khoa, Lộc Tồn, Bác Sỹ giúp giảm nhẹ phần hung, song Địa Không - Lưu Hà - Quan Phù vẫn tạo áp lực khiến các chuyến đi hoặc giao tiếp thường xen lẫn mệt mỏi, thậm chí gặp vấn đề về giấy tờ hoặc sức khỏe khi di chuyển.

Tổng thể, Thiên Di nghiêng về trung bình thiên về hung nhẹ do Vô Chính Diệu bị sao xấu chi phối mạnh hơn sao tốt. Thiên Mã và Hóa Lộc mang lại cơ hội thay đổi tích cực, nhưng Địa Kiếp, Thiên Khốc, Bệnh, Phi Liêm kéo cục xuống, dễ dẫn đến hao tổn tài chính hoặc căng thẳng khi ở xa nhà.

Nên hạn chế ký kết hợp đồng dài hạn khi đi công tác và giữ khoảng cách với những mối quan hệ chỉ gặp qua mạng hoặc môi giới. Duy trì kiểm tra sức khỏe định kỳ trước mỗi chuyến dài là cách thực tế nhất để giảm thiểu rủi ro.

Cung Tật Ách

Ý nghĩa: Mộc **Đại vận** 52

Chính tinh: —

Phụ tinh: Trục Phù, Tấu Thư, Suy, Thiên Sứ

Cung Tật Ách an tại Mão thuộc Thủy Nhị Cục, Vô Chính Diệu nên sức khỏe không bị sao chủ nào chi phối trực tiếp, mà chịu ảnh hưởng chủ yếu từ các sao phụ Trục Phù, Tấu Thư, Suy và Thiên Sứ. Cục diện này thường biểu hiện qua các vấn đề không rõ ràng ngay từ đầu, dễ phát sinh theo thời gian hoặc do yếu tố bên ngoài tác động, thay vì bệnh tật bẩm sinh nặng.

Tam hợp với Huỳnh Đệ (Thiên Phủ chủ, kèm Văn Xương, Văn Khúc, Thiên Việt) mang lại lớp bảo vệ nhất định qua lối sống có tổ chức và khả năng tự điều chỉnh. Tuy nhiên, Điền Trạch hội Thiên Tướng lại có Tuyệt và Đại Hao, cho thấy sức đề kháng dễ suy giảm khi gặp áp lực kéo dài. Xung



chiếu Phụ Mẫu với Tử Vi – Tham Lang – Kinh Dương càng nhấn mạnh yếu tố bất ngờ, dễ dẫn đến các biến cố cấp tính về thần kinh, hô hấp hoặc chấn thương nhẹ nếu không kiểm soát cảm xúc và môi trường sống.

Về cân bằng cát hung, Trực Phù và Tấu Thư có thể hỗ trợ việc phát hiện sớm vấn đề qua xét nghiệm hoặc tài liệu y khoa, nhưng Suy và Thiên Sứ lại kéo cục xuống, báo hiệu xu hướng mệt mỏi mãn tính hoặc rối loạn nhỏ về tiêu hóa, da liễu. Các sao hung như Kinh Dương và Đà La từ tam phương gia tăng nguy cơ viêm nhiễm hoặc tai nạn nhỏ, trong khi Hồng Loan, Long Đức và Nguyệt Đức đóng vai trò trung hòa, giúp phục hồi nhanh nếu được hỗ trợ kịp thời. Tổng thể, cát hung nghiêng về trung bình, không quá xấu nhưng cũng không vững vàng.

Sức khỏe của đương số nhìn chung ổn định nếu tránh làm việc quá sức và giữ nhịp sinh hoạt đều đặn. Nên ưu tiên khám sức khỏe định kỳ, đặc biệt chú ý hệ hô hấp và thần kinh, đồng thời hạn chế các hoạt động mạo hiểm hoặc môi trường ô nhiễm.

Cung Tài Bạch

Ý nghĩa: Thổ **Đại vận** 42

Chính tinh: Thiên Đồng (H)

Phụ tinh: Địa Giải, Tam Thai, Hóa Kỵ, Quốc Ấn, Thái Tuế, Hoa Cái, Tướng Quân, Đế Vượng, Thiên La

Cung Tài Bạch an Thiên Đồng Hóa Kỵ tại Thìn, tạo cục diện dị biệt khi chính tinh bản chất nhu hòa, an nhàn lại mang Hóa Kỵ triệt tiêu bớt sự êm đềm. Thiên Đồng vốn chủ về tài lộc chậm rãi, dễ chịu ân huệ từ người khác, nay gặp Hóa Kỵ và Thiên La bao bọc khiến dòng tiền thường xuyên bị trói buộc bởi quy định, hợp đồng dài hạn hoặc nghĩa vụ gia tộc. Cùng lúc Tam Thai, Quốc Ấn, Đế Vượng và Tướng Quân hội tụ tạo thêm lớp quyền uy và danh tiếng hỗ trợ, song Hoa Cái, Thái Tuế lại nhấn mạnh tính cô lập và biến động theo chu kỳ mười hai năm.

Địa Giải và Tam Thai góp phần hóa giải phần nào áp lực Hóa Kỵ, giúp tài vận không đến mức kiệt quệ mà chỉ chậm trễ và đòi hỏi thủ tục. Tuy nhiên, sự hiện diện dày đặc các sao phụ mang tính cách tân và quyền lực (Tướng Quân, Đế Vượng, Quốc Ấn) lại đẩy cung này thiên về tài lộc gián tiếp qua chức vụ hoặc quan hệ xã hội thay vì kinh doanh tự do. Tam hợp Mệnh với Thiên Cơ



Thái Âm và Lộc Tồn cho thấy tài trí cùng sự che chở từ mẫu hệ là nguồn lực chính nuôi dưỡng cung Tài; Tam hợp Quan Lộc với Thiên Lương mang lại sự thanh danh và vị trí ổn định, song Xung Chiếu Phúc Đức Cự Môn lại cảnh báo những rắc rối nội bộ hoặc thị phi từ người thân có thể ảnh hưởng gián tiếp đến dòng tiền.

Tổng cục nghiêng về mức trung bình khá, thiên về tài lộc chậm và có tính chất “làm quan hưởng lộc” nhiều hơn thương mại. Hóa Kỵ và Thiên La kéo cục xuống ở khâu thanh khoản và tính linh hoạt, trong khi Địa Giải, Tam Thai cùng Lộc Tồn từ Mệnh kéo ngược lên ở khâu danh tiếng và quan hệ. Để tối ưu, cần giữ vai trò cố vấn hoặc vị trí cần sự uy tín thay vì tự đứng ra kinh doanh; đồng thời hạn chế các khoản đầu tư dài hạn mang tính cá nhân trong những năm Thái Tuế xung chiếu.

Cung Tử Túc

Ý nghĩa: Hòa **Đại vận** 32

Chính tinh: Vũ Khúc (Đ), Phá Quân (H)

Phụ tinh: Phong Cáo, Thiên Giải, Thiên Quý, Hóa Quyền, Thiếu Dương, Hỏa Tinh, Kiếp Sát, Cô Thần, Thiên Hỷ, Tiểu Hao, Lâm Quan

Cung Tử Túc an tại Tỵ hội Vũ Khúc (Địa) - Phá Quân (Hãm) là thế đứng chủ động về mặt tài chính và quyền lực nhưng mang tính phá hoại, thay đổi liên tục. Phá Quân Hãm địa tại Tử Túc thường tạo cục diện con cái ít, sinh muộn hoặc có khoảng cách về tư tưởng với cha mẹ; Vũ Khúc mang theo Hóa Quyền lại cho thấy con cái có khả năng tự lập sớm, giỏi xoay sở về tiền bạc hoặc nghề nghiệp thực tế. Sự hiện diện đồng thời của hai chính tinh này tạo nên cách cục “Quyền Phá Tử Túc”, nghiêng về con cái mang tính cách mạnh mẽ, quyết đoán nhưng khó duy trì mối quan hệ gắn bó lâu dài với cha mẹ.

Các phụ tinh hỗ trợ khá phân hóa. Hóa Quyền, Thiên Quý, Thiên Giải, Thiên Hỷ hỗ trợ về mặt quyền lực và giải quyết vấn đề, giúp con cái dễ đạt được vị trí nhất định trong công việc. Tuy nhiên, Kiếp Sát, Hỏa Tinh, Cô Thần, Tiểu Hao và Lâm Quan lại kéo cục diện xuống rõ rệt: con cái có nguy cơ gặp biến cố bất ngờ, sức khỏe hoặc tính tình dễ nóng nảy, ít chia sẻ. Thiếu Dương và Phong Cáo tăng thêm tính cách bốc đồng, hay thay đổi môi trường sống hoặc công việc,



khiến mối quan hệ cha mẹ – con cái thường bị gián đoạn bởi khoảng cách địa lý hoặc quan điểm.

Tam hợp Phụ Mẫu có Tử Vi – Tham Lang hội nhiều cát tinh, cho thấy gia đình gốc gác vẫn đủ điều kiện hỗ trợ về mặt vật chất và danh tiếng. Tuy nhiên, Xung Chiếu Điền Trạch chỉ có Thiên Tướng đơn độc, kèm Tuyệt không mạnh, phản ánh con cái khó ở gần cha mẹ lâu dài, dễ sớm ra riêng hoặc định cư xa.

Tổng thể, cung Tử Tức thuộc dạng trung bình khá, nghiêng về chất lượng con cái hơn số lượng. Nên sinh con muộn hơn sau 30 tuổi để giảm áp lực từ Kiếp Sát – Hỏa Tinh. Cha mẹ cần chủ động tạo môi trường giao tiếp cởi mở ngay từ nhỏ, tránh áp đặt quan điểm tài chính để con không bị cô lập cảm xúc trong giai đoạn trưởng thành.

Cung Phu Thê

Ý nghĩa: Hòa **Đại vận** 22

Chính tinh: Thái Dương (M)

Phụ tinh: Thiên Hình, Hóa Lộc, Thiên Phúc, Tang Môn, Phượng Các, Giải Thần, Thanh Long, Quan Đới, Triệt, Thiên Thọ

Cung Phu Thê tại Ngọ chủ trì bởi **Thái Dương** (M) hội **Hóa Lộc, Thiên Phúc** và **Thanh Long, Quan Đới** tạo nên cục diện chồng thuộc dạng hiển đạt, có địa vị xã hội và khả năng tạo dựng tài sản rõ nét. Thái Dương gặp Hóa Lộc tại Phu Thê thường chỉ ra chồng làm việc có hệ thống, dễ nắm giữ quyền lực hoặc tài chính, song vì đang bị **Triệt** che, mọi thành tựu đều phải trải qua giai đoạn trì hoãn hoặc bị giới hạn phạm vi hoạt động.

Thiên Hình kẹp sát Thái Dương cùng **Tang Môn** và **Giải Thần** kéo cục diện xuống rõ rệt. Những sao này báo hiệu hôn nhân dễ vướng vào cãi vã, thị phi hoặc tổn thương tinh thần từ phía chồng. Thiên Hình còn mang tính cách khắt khe, dễ khiến người chồng có xu hướng kiểm soát hoặc lạnh nhạt trong giao tiếp, trong khi Tang Môn lại gợi nhắc đến sự mất mát hoặc ly tán theo thời gian. **Phượng Các** và **Thiên Thọ** chỉ hỗ trợ bề ngoài êm ấm, khó bù đắp được sức nặng hung tinh.



Tam phương hội chiếu cũng không thực sự cứu vãn. **Cự Môn** tại Phúc Đức mang theo **Thiên Riêu, Thiên Hư** làm tăng thêm tính đa nghi, lời nói dễ gây hiểu lầm giữa hai bên. **Thiên Lương** xung chiếu tuy mang đức độ, song bị **Bạch Hổ, Mộ** kìm hãm, khiến sự hỗ trợ từ chồng thường đến muộn hoặc kèm điều kiện. Vô Chính Diệu tại Thiên Di lại càng khẳng định sự vắng mặt hoặc thiếu gắn kết thực chất trong mối quan hệ.

Tổng thể cung Phu Thê thuộc dạng **cát trung hàm hung**, chồng có năng lực nhưng hôn nhân chịu nhiều lực cản về cảm xúc và thời gian. Người mệnh nên chọn chồng đã ổn định sự nghiệp trước khi kết hôn, tránh vội vàng để giảm thiểu nguy cơ ly thân hoặc tổn thất tinh thần sau này.

Cung Huynh Đệ

Ý nghĩa: Thổ **Đại vận** 12

Chính tinh: Thiên Phủ (M)

Phụ tinh: Văn Xương, Văn Khúc, Thiên Việt, Thiếu Âm, Lục Sĩ, Đà La, Mộc Dục, Triệt

Cung Huynh Đệ an Thiên Phủ tại Mùi trong Thủy Nhị Cục, tạo cục diện quý hiển, vững vàng do sao chủ mang tính bảo hộ, ôn hòa. Thiên Phủ hội Văn Xương, Văn Khúc, Thiên Việt càng tô đậm chất trí thức, khôn ngoan của anh chị em, thường có người học vấn khá hoặc giữ vị trí ổn định. Tuy nhiên, Đà La song hành cùng Triệt khiến sự gắn kết mang tính giấu diếm, dễ bị gián đoạn hoặc chỉ hiện hữu ở bề ngoài.

Tam hợp Điền Trạch gặp Thiên Tướng hội Hồng Loan, Long Đức hỗ trợ thêm chút duyên lành, song cục diện Vô Chính Diệu tại Tật Ách lại cho thấy sức mạnh thực sự của mối quan hệ anh em khá mỏng manh, dễ phụ thuộc vào hoàn cảnh bên ngoài. Xung chiếu Nô Bộc với Liêm Trinh – Thất Sát càng làm nổi bật tính cạnh tranh ngầm; anh chị em có thể thành đạt riêng nhưng ít chia sẻ sâu sắc, thậm chí xuất hiện khoảng cách do tính cách mạnh mẽ, thực dụng của hai bên.

Phụ tinh hỗ trợ như Lục Sĩ, Mộc Dục giúp duy trì được nét trách nhiệm cơ bản, song các sao xấu như Đà La, Triệt, Phá Toái lại kéo cục diện xuống mức trung bình, khiến mối quan hệ dễ rơi vào trạng thái “có mà như không”, ít hỗ trợ thực chất khi cần. Văn Xương Văn Khúc là điểm sáng nhất, góp phần làm dịu bớt hung khí, song không đủ để biến cục diện thành cát hoàn toàn.



Tổng thể, cung Huynh Đệ thiên về trung bình khá, mang tính bảo hộ bề ngoài nhiều hơn sự gắn bó thực lòng. Nên giữ khoảng cách vừa phải, tránh kỳ vọng quá lớn vào sự hỗ trợ từ anh chị em ruột thịt, đồng thời phát triển các mối quan hệ ngoài gia đình để bù đắp khi cần sự đồng hành thực sự.





Vận Mệnh — Diễn Cầm Tam Thế

Các mục luận giải theo phương pháp Diễn Cầm Tam Thế, dựa trên ngày giờ sinh âm lịch.

Coi con nít mới sanh mạng gì?

Mạng Kim

Mạng Kim dễ nuôi ít nhõng nhẽo, nhưng khi khóc thì khó dỗ lắm.

Coi Số Sanh Tổng Luận

Thọ thai tháng giêng, sanh tháng 10

Kiếp trước có tánh can đảm, tự tác, tự thị, không phục người, kiếp này phải chịu cô độc một mình, đi lưu lạc xa phương tân khổ, đến lớn 50 tuổi lập nghiệp mới đăng phát tài, diện mạo đáng tốt.

Số Cầu (12 Cầu)

Cầu thứ 7

Số này hôn ở cõi trên, Phật cho xuống đầu thai tánh hay cúng kiến. Lớn tuổi làm ăn khá lắm; ý vui vẻ, cha mẹ đăng sống lâu.

Ngày Sang Hèn

Sanh nhằm ngày Thiên Mậu, được vinh hoa lộc trọng, có quyền cao sang trọng, của vợ là không chung.



Coi ruộng đất có không

Chữ BẠI — Thất bại tại quê nhà

Ruộng đất do cha mẹ cho hay tự mình tạo lập ở nơi quê nhà (chốn quan sanh) thì đều bị thất bại. Tuy nhiên, nếu có ý chí lớn, đi xứ khác lập điền viên thì có thể đạt được chút ít.

Coi học giỏi, dở

Trực Giai — Học nhiều hiểu ít, khó đỗ đạt

Người phạm vào chữ Trực Giai thường bỏ công sức ra học nhiều nhưng sự thông hiểu lại ít. Về sau rất ít có thể cậy nhờ vào con đường học vấn để phát triển. Mục đích của việc học chủ yếu chỉ là học cho biết chữ để nói chuyện với đời, rất khó để thi đỗ lấy khoa.

Coi hào anh em kết hung

Bệnh — Đệ huynh bất hạp, tỵ hiềm, thù không cốt nhục

Vương mang chữ Bệnh số ta,
Đệ huynh bất hạp sanh ra tỵ hiềm.
Anh thời chẳng đặng trang nghiêm,
Em thời vô lễ lỗi niềm đệ huynh.
Chẳng còn huynh đệ chi tình,
Thà không cốt nhục một mình dễ hơn.
Cảm phiền suy nghĩ xưa ơn,
Tại vì căn số dạ hờn làm chi.



Coi tuổi ông Huỳnh Đế bốn mùa sang hèn

Ở tại Chân — Nhân nghĩa, lập nghiệp xứ khác

Mạng có căn tu hành đắc quả, bản tánh thích làm việc nhân nghĩa giúp người. Tuy nhiên, số này không ở được nơi quê cha đất tổ, vợ chồng ban đầu dễ khắc khẩu. Phải đi xứ khác để lập nghiệp thì mới dễ thành công.

Coi số có Trời Đánh hay không?

Không phạm số Trời Đánh

Năm Canh sanh nhằm giờ Mão không phạm số trời đánh. Nuôi dưỡng bình an, hậu vận tốt lành.

Coi số có Rắn Cắn hay không?

Phạm số Rắn Cắn

Năm Canh, Năm Tân sanh nhằm giờ Hợi, Mẹo, Mùi là phạm. Số này 2 năm phạm 3 giờ, nếu có phạm giờ như trên đây, trong 3 tuổi trở lại thì nuôi khôngặng.

Coi số có Chết Yếu hay không?

Không phạm số Chết Yếu

Sanh tháng 10 nhằm giờ Mão không phạm số chết yếu. Nuôi dưỡng bình an.

Coi hôn đi đâu, thai qua 12 câu

Câu thứ 7 — Linh hồn từ cõi Phật

Đây là linh hồn từ cõi trên được Phật cho xuống đầu thai, nên tánh tình hay thích cúng kiến. Khi lớn tuổi làm ăn khá giả, tâm ý vui vẻ và cha mẹ được sống thọ.



12 giờ sanh chia 36 giờ sang hèn

Giờ Mẹo — cả 3 phần

****đầu giờ Mẹo:**** Khắc mẹ. Làm việc gì trước có sau không, không nhờ anh em, tuổi nhỏ bốn ba lận lợi cực trí, số khắc con, con không chùng, việc ăn mặc tùy thời có thời không.

****giữa giờ Mẹo:**** Cha mẹ song toàn, trai sang gái trọng, quý hơn yêu chuộng, gái ít chồng anh em khá, con nhiều ăn mặc không thiếu, sự nghiệp kinh vinh, cốt nhục hòa, có chức phận.

****sau giờ Mẹo:**** Khắc cha. Thuở nhỏ bốn ba lao khổ, không nhờ anh em, đến 36 tuổi sắp lên để làm ăn, chùng ấy mới ít đi, lập sự nghiệp đặng vững bền.

Coi Thiên Can hiệp tháng sanh

Thiên Can Canh — Tháng 10 âm lịch → ****Đã Thiết****

Có số làm thợ rèn hoặc thợ thiếc. Nếu không làm thợ thì cũng theo nghề binh nghiệp (cầm gươm giáo). Bằng không có cả hai nghề này thì anh em trong nhà thường phải ở xa cách nhau.

Coi nuôi thú vật đàng hay không

Chữ KHÔNG — Không nuôi đặng thú vật

Số này nuôi thú vật không đặng, thường bị hao hụt, thú hay chết dịch hoặc thất thoát. Nên chú tâm vào nghề nghiệp khác thay vì nuôi thú vật. Nam nữ đều coi chung.



Coi thi cử lấy khoa đẳng không

Thi Cử — Không sao / Không mạng

****Kỳ nhứt (thi lần đầu):****

Không thấy sao ứng với tuổi và tháng sanh — ****không có khoa**** kỳ nhứt.

****Kỳ nhì (thi lần hai):****

Không thấy mạng ứng với tuổi và tháng sanh — ****không có khoa**** kỳ nhì.

Coi số có ở tù hay không

Phạm Quỷ Phá

Tuổi Canh Thìn (tháng 6 âm lịch) — dễ bị quấy phá. Hậu vận: bác tài. Sách dặn: nếu phạm số này phải giữ phận để tránh tai ương.

Coi số vợ chồng ở đời với nhau

Tuổi Thìn — Giờ Mão → Không phạm

Tuổi Thìn sanh giờ Mão không phạm vào các tổ hợp tuyệt duyên. Đường tình duyên bình thường.



Coi vợ chồng trường sanh

Dưỡng — Vợ chồng hòa hiệp, đồng tuổi đồng tháng thì giàu sang

Số này Trời Đất cho ta,
Vợ chồng phối ngẫu giao hòa bình an.
Phụng loan kết cánh vầy đoàn,
Một năm sanh dưỡng phòng loan kịp kỳ.
Ăn mặc đầy đủ số ni,
Vợ chồng một tuổi vầy thời giàu sang.
Chớ lo duyên nợ lỡ làng,
Vợ chồng hòa hiệp luận bàn thất gia.

(Vợ chồngặng đồng tuổi và đồng tháng sanh thì giàu sang trọn vẹn)

Coi tay trường sanh nhằm chủ gì

Mạng Kim — Tuổi Thìn → Dưỡng

Mạng Kim khởi Trường Sanh tại cung Tỵ, đếm thuận hành đến tuổi Thìn là 11 bước → nhằm chữ Dưỡng.

Coi nuôi con đànang nhiều ít

Dưỡng — Nuôi đặng 3 đứa

Người nhằm chữ Dưỡng sanh con nuôi đặng 3 đứa. Nếu phước đức Tổ Tiên nhiều thì đạt đủ số con trai; phước ít thì đổi sang con gái. Số con trong mức định thì có hiếu; sinh dư ra là quả báo tiền kiếp, thường bất hiếu.



Coi tuổi con của nam ông Huỳnh Đệ

Con Vua Huỳnh Đế (Tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi)

Tánh tình cứng cỏi, mạnh mẽ, cuộc đời hay có "cửa hoạc tài" (tài lộc đến bất ngờ). Bản tính ưa thích việc trồng tĩa hoặc làm những việc bao gồm cơ mật. Khuyến nên thờ Thổ Địa, Long Thần và đặc biệt phải biết tu tâm, thờ Phật mới tốt.

Coi số có nhà hay không

Số Kiên Gia

Số tự lập gia nghiệp rất tốt, làm ăn khá giả. Đặc biệt lưu ý: không được ở nhà cũ của cha mẹ hay mua nhà cũ rồi sửa lại. Nếu phạm vào thì sẽ phải chịu cảnh đau ốm triền miên.

Coi Cô Thần Quả Tú

Không phạm Quả Tú — Đường tình duyên thuận lợi

Tháng sanh không phạm Quả Tú. Đường lương duyên sẽ yên bề tốt đẹp hơn, ít bị rắc rối về đường chồng con.

Coi số kiếp vợ chồng

Số Kiếp: Trùng Phu

Số này vợ chồng hiệp nên là do kiếp trước đã lỡ hứa hẹn hoặc thất hứa hai bên, nay kiếp này gặp lại để "trả quả". Đạo vợ chồng cần nhường nhịn, lỡ có căng thẳng thì cũng không nên bỏ nhau. Lời bàn: "Số này phải trả quả xong, sau mới nên".

Coi theo mùa tam giờ sanh

Giờ Mẹo

Sanh tháng 10 âm lịch, giờ 06:00 nhằm khung 6:00 – 7:59 là giờ Mẹo.



Lưu ý quan trọng

Nội dung báo cáo mang tính tham khảo văn hóa — tử vi, tướng số, phong thủy. Không thay thế tư vấn y tế, pháp lý, tài chính hay quyết định đời sống quan trọng.

Phân luận giải 12 cung và Đại Hạn do AI hỗ trợ biên soạn từ lá số; người đọc nên cân nhắc và tự chịu trách nhiệm khi ứng dụng.

Tử Vi AI — <https://diencamtamthe.com>

